TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiển.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 435/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (căn cước công dân 089177020581); cư trú tại: Tổ 14, ấp MH, MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 14, ấp MH, MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M do gia đình hai bên mai mối và sau 5 tháng tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1994 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên từ đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, ông M hay uống rượu, mỗi khi uống rượu thì hay gây chuyện và đánh bà T. Bà T nhiều lần khuyên ông bỏ rượu nhưng ông vẫn không thay đổi, hiện đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 11/02/1994 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/7/2002. Hiện 02 (hai) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Hồ Thanh M vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T với ông Hồ Thanh M.

- Về con chung: Hiện 02 (hai) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã MĐ, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm tiến đến hôn nhân ông bà đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tuy nhiên ông bà không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức cung cấp hiện bà T và ông M chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do ông bà chưa đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T với ông M.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, 02 (hai) con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Thanh M.

- Về con chung: Nguyễn Bảo Q và Nguyễn Quốc V hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009834 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang